

TÀI LIỆU GIỚI THIỆU NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ SỐ 106/2025/QH15

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, định hướng lớn nhằm đẩy mạnh cải cách tư pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Trong đó, nhiều văn bản quan trọng đã xác định rõ yêu cầu, nhiệm vụ tiếp tục hoàn thiện thể chế liên quan đến thi hành án dân sự (THADS) như: Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Kết luận số 162-KL/TW ngày 06/6/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư thông qua Đề án tiếp tục sắp xếp, tinh gọn bộ máy hệ thống THADS bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả...

Bên cạnh đó, triển khai thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, nhất là trong thời gian tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ, Ngành đã và đang hoàn thiện thể chế, ban hành nhiều văn bản quan trọng. Những văn bản pháp luật này đã tác động đến tổ chức và hoạt động THADS.

Luật THADS được Quốc hội thông qua năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2022). Sau 17 năm thi hành, bên cạnh những kết quả tích cực đạt được, Luật THADS đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc.

Đề đáp ứng các yêu cầu đó, ngày 05/12/2025, tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XV đã thông qua Luật THADS số 106/2025/QH15, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2026 và thay thế Luật THADS số 26/2008/QH12.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích ban hành

Việc ban hành Luật THADS (sửa đổi) nhằm tiếp tục thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về đổi mới tổ chức và hoạt động THADS; khắc phục những hạn chế, bất cập về thể chế, đảm bảo các bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền được thực thi hiệu quả; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và Nhà nước; góp phần giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật; tăng cường pháp chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội.

2. Quan điểm xây dựng dự án Luật

a) Thể chế hoá đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp, kiểm soát quyền lực trong hoạt động THADS và các chính sách trong hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật THADS đã được Chính phủ thông qua và bổ sung, cụ thể:

- Chính sách 1: Quy định đầy đủ phạm vi bản án, quyết định do cơ quan THADS tổ chức thi hành, hoàn thiện các nguyên tắc cơ bản trong THADS.

- Chính sách 2: Hoàn thiện các quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự, người tham gia THADS khác.

- Chính sách 3: Hoàn thiện tổ chức, hoạt động của hệ thống cơ quan THADS; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan THADS, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, người có thẩm quyền trong THADS; vai trò, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan khác trong THADS.

- Chính sách 4: Hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục, rút ngắn thời gian, giảm thiểu chi phí, nâng cao hiệu quả THADS.

- Chính sách 5: Tăng cường các điều kiện bảo đảm, đáp ứng yêu cầu quản lý và hoạt động THADS.

b) Kế thừa có chọn lọc các quy định còn phù hợp, đã được thực tiễn kiểm nghiệm; đồng thời sửa đổi, bổ sung những quy định bất cập, hạn chế từ thực tiễn tổng kết 17 năm thi hành Luật, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp; tính khả thi, thống nhất, đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan đến công tác THADS.

c) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác THADS, xây dựng khung pháp lý nhằm rút ngắn thời gian tổ chức thi hành án, giảm thiểu

chi phí ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong THADS, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động THADS với cơ chế bảo đảm và lộ trình phù hợp.

d) Nghiên cứu, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các nước, thông lệ quốc tế về THADS, phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động THADS ở Việt Nam.

đ) Tuân thủ trình tự, thủ tục lập pháp; thực hiện đúng chỉ đạo, yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước về đổi mới tư duy trong công tác xây dựng pháp luật¹.

e) Đảm bảo thể chế hóa, nội luật hóa, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

III. BỐ CỤC, NỘI DUNG MỚI CƠ BẢN CỦA LUẬT THADS SỐ 106/2025/QH15

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Luật THADS (sửa đổi) cơ bản tiếp tục điều chỉnh các nhóm nội dung như Luật THADS hiện hành, đồng thời sửa đổi, bổ sung để thể chế hoá đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng; khắc phục những bất cập, thiếu đồng bộ hiện nay, bao gồm: (i) Phạm vi bản án, quyết định do cơ quan THADS tổ chức thi hành và các nguyên tắc cơ bản trong THADS; (ii) Quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan; (iii) Hệ thống THADS và Văn phòng THADS; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong THADS; (iv) Trình tự, thủ tục THADS; (v) Khiếu nại, tố cáo, kháng nghị, kiến nghị về THADS.

b) Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Luật THADS (sửa đổi) là cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác THADS.

2. Bố cục của Luật

Luật gồm 05 Chương, 116 điều, cụ thể: Chương I. Quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 16); Chương II. Hệ thống THADS và Văn phòng THADS (từ Điều 17 đến Điều 31); Chương III. Thủ tục, biện pháp bảo đảm, cưỡng chế thi hành án dân sự (từ Điều 32 đến Điều 95); Chương IV. Khiếu nại, tố cáo, kháng nghị, kiến nghị

¹ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị; Văn bản số 15/CTQH ngày 29/10/2024 của Chủ tịch Quốc hội.

(từ Điều 96 đến Điều 111); Chương V. Điều khoản thi hành (từ Điều 112 đến Điều 116).

3. Nội dung cơ bản

Nội dung Luật bám sát 05 chính sách trong hồ sơ Đề nghị xây dựng Luật đã được Chính phủ thông qua và bổ sung; đồng thời, thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng đối với công tác tư pháp, THADS; khắc phục những vướng mắc, bất cập từ thực tiễn tổng kết 17 năm thi hành Luật với các nội dung cơ bản như sau:

3.1. Những nội dung sửa đổi, hoàn thiện

3.1.1. Thể chế hóa chủ trương của Đảng về tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống thi hành án dân sự, bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả

Thứ nhất, thể chế hóa Kết luận số 162-KL/TW ngày 06/6/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư thông qua Đề án “Tiếp tục sắp xếp, tinh gọn bộ máy hệ thống THADS bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Theo đó, hệ thống THADS được tổ chức thống nhất từ Trung ương đến địa phương, bao gồm: Cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư pháp và 34 cơ quan THADS tỉnh, thành phố, trong đó có 355 Phòng THADS khu vực. Các Phòng THADS khu vực được đặt tương đồng, thống nhất với 355 Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân khu vực (thống nhất về số lượng, thống nhất về phạm vi thẩm quyền hoạt động, thống nhất về địa điểm đặt trụ sở và tương đồng về tên gọi).

Thứ hai, quy định rõ về vị trí, vai trò của cơ quan quản lý THADS (cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư pháp và thuộc Bộ Quốc phòng) trong Luật. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định tên gọi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tên gọi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng.

Đây là những quy định trước đây được quy định tại Nghị định, việc đưa cơ quan quản lý THADS vào Luật đã thể hiện rõ vị trí, vai trò của cơ quan quản lý THADS nói riêng và hệ thống THADS nói chung.

Thứ ba, quy định rõ về vị trí, vai trò của cơ quan thi hành án dân sự trong Luật. Theo đó, cơ quan thi hành án dân sự là cơ quan có chức năng tổ chức thi hành bản án, quyết định theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật có liên quan. Cơ quan thi hành án dân sự có Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, có tư cách pháp nhân, con dấu có hình Quốc huy, trụ sở và tài khoản riêng. Người đứng đầu cơ quan thi

hành án dân sự là Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định tên gọi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tên gọi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan thi hành án cấp quân khu. Về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan THADS cơ bản giữ nguyên Luật hiện hành, đồng thời, có bổ sung nhiều nhiệm vụ liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động THADS nhằm thực hiện đồng bộ, hiệu quả, kịp thời chủ trương của Đảng.

Thứ tư, quy định về cơ cấu tổ chức của cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trong Luật. Theo đó, cơ cấu tổ chức của cơ quan THADS tỉnh, thành phố bao gồm: Phòng Nghiệp vụ và tổ chức thi hành án dân sự; Phòng Thi hành án dân sự khu vực; Các đơn vị cấp phòng khác.

Thứ năm, quy định chức danh mới Chấp hành viên trưởng của Phòng Thi hành án dân sự khu vực.

Mục tiêu của Đề án “Tiếp tục sắp xếp, tinh gọn bộ máy hệ thống THADS bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả” là nhằm bảo đảm tập trung nguồn lực cho các Phòng THADS khu vực cho công tác tổ chức thi hành án; cơ quan THADS tỉnh, thành phố quản lý, chỉ đạo chung, tập trung, thống nhất trong toàn tỉnh, thành phố. Để bảo đảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động THADS của các Phòng THADS khu vực, Luật đã bổ sung chức danh Chấp hành viên trưởng và quy định Trưởng phòng Phòng THADS khu vực đồng thời là Chấp hành viên trưởng với các lý do:

- Chấp hành viên trưởng là chức danh tư pháp được giao cho người đứng đầu Phòng THADS khu vực, giữ ngạch Chấp hành viên trung cấp trở lên, có các nhiệm vụ quyền hạn thực hiện một số nhiệm vụ quyền hạn theo ủy quyền, phân công của Thủ trưởng của cơ quan THADS; phân công nhiệm vụ tổ chức thi hành án cho các Chấp hành viên thuộc Phòng THADS khu vực; hướng dẫn, chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ tổ chức thi hành án đối với Chấp hành viên tại Phòng THADS khu vực...

- Theo quy định của Luật THADS, Chấp hành viên là chức danh tư pháp, do Nhà nước bổ nhiệm để tổ chức thi hành án và chịu trách nhiệm về các hoạt động THADS. Bên cạnh đó, THADS hiện được xác định là hoạt động tư pháp, có tính độc lập tương đối, khác với các hoạt động hành chính, chuyên môn khác. Trưởng phòng THADS là chức danh quản lý, lãnh đạo về hành chính, không có chức năng chỉ đạo các hoạt động tư pháp. Do đó, cần có người chịu trách nhiệm về chuyên

môn và chỉ đạo chuyên môn đối với hoạt động THADS của Chấp hành viên. Chức danh Chấp hành viên trưởng, Trưởng Phòng THADS khu vực là “cánh tay nối dài” của Thủ trưởng cơ quan THADS trong điều kiện số lượng vụ việc lớn, địa bàn rộng như hiện nay sẽ đảm bảo tính nhanh chóng, kịp thời trong giải quyết việc THADS cho người dân và doanh nghiệp. Mặt khác, chức danh này còn đảm bảo sự nhanh chóng, kịp thời, tương xứng trong phối hợp với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân trong giải quyết các vấn đề phát sinh trong THADS trên địa bàn theo quy định của pháp luật về THADS, về tố tụng và các quy định khác.

- Thực tế khi triển khai việc chuyển giao công tác từ Tòa án nhân dân sang Chính phủ quản lý (tháng 6/1993), khi đó Phòng THADS là một phòng chuyên môn thuộc Sở Tư pháp nên Pháp lệnh THADS năm 1993 cũng đã quy định Trưởng Phòng THADS là Chấp hành viên trưởng (Điều 15 Pháp lệnh THADS năm 1993 và các Điều 13, Điều 14 Nghị định số 30-CP ngày 02/6/1993 của Chính phủ về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hành của cơ quan quản lý công tác thi hành án dân sự, cơ quan thi hành án dân sự và Chấp hành viên). Quy định này đã đảm bảo các chỉ đạo về hoạt động hành chính không lấn sân vào hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ THADS.

Thứ sáu, quy định về việc phân công, ủy quyền của Thủ trưởng cơ quan THADS cho Phó Thủ trưởng cơ quan THADS và người đứng đầu các đơn vị chuyên môn. Theo đó, bổ sung quy định về việc Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thể phân công, ủy quyền cho người đứng đầu các đơn vị trực thuộc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trừ trường hợp không được ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Chính phủ sẽ quy định chi tiết những trường hợp không được ủy quyền, trong đó cơ bản sẽ rà soát và thể chế hóa các Công văn hướng dẫn sau sắp xếp của Bộ Tư pháp để nghiên cứu, đề xuất phù hợp.

3.1.2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp của chính quyền địa phương theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức trong hoạt động thi hành án dân sự

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp của chính quyền địa phương trong THADS

- *Quy định rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp tỉnh trong công tác THADS*

+ Thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên tại địa phương theo quy định của Chính phủ;

+ Chỉ đạo việc phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự trên địa bàn, giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong việc phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong thi hành án dân sự;

+ Chỉ đạo việc tổ chức cưỡng chế thi hành các vụ án lớn, phức tạp, có ảnh hưởng đến an ninh, trật tự an toàn xã hội ở địa phương theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự;

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết khiếu nại liên quan đến tổ chức và hoạt động của văn phòng THADS, Thừa hành viên theo quy định.

- *Quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp xã trong THADS, bao gồm:*

+ Phối hợp với cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên trong việc vận động, thuyết phục đương sự tự nguyện thi hành án, thông báo thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án, áp dụng biện pháp bảo đảm, áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án và các nhiệm vụ khác về thi hành án dân sự trên địa bàn;

+ Giải quyết kịp thời những kiến nghị, vướng mắc, khó khăn phát sinh trong việc phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thi hành án dân sự trên địa bàn; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình tổ chức thi hành án theo quy định của pháp luật;

+ Cung cấp thông tin, điều kiện thi hành án theo đề nghị của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên;

+ Tham gia và phối hợp tổ chức cưỡng chế thi hành án trên địa bàn theo đề nghị của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên;

+ Tham gia Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản theo đề nghị của cơ quan thi hành án dân sự; tiếp nhận, xử lý vật chứng, tài sản sung quỹ nhà nước và bảo quản tài sản theo quy định của Luật.

Thứ hai, rà soát, hoàn thiện các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân trong THADS

Nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân trong THADS được quy định tại Điều 11 và Điều 13. Trong đó có bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân trong trường hợp đủ các điều kiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự thì phải giải quyết theo thủ tục rút gọn đối với yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự, đương sự về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài

sản, phân chia tài sản hoặc giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, hủy giấy tờ, giao dịch phát sinh trong quá trình thi hành.

Thứ ba, rà soát, hoàn thiện các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan công an trong THADS

- Luật THADS hiện hành mới có quy định về việc cơ quan công an sẽ phối hợp bảo vệ cưỡng chế thi hành án. Tuy nhiên, quá trình tổ chức thi hành án, cơ quan THADS có thể gặp phải sự chống đối, cản trở của người phải thi hành án ở tất cả các giai đoạn của quá trình tổ chức thi hành án, chứ không phải chỉ khi cưỡng chế. Từ việc thông báo thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án, tổ chức thẩm định giá đến xem tài sản để thực hiện việc định giá tài sản, hay việc xem tài sản khi đưa tài sản ra bán đấu giá... đều gặp phải sự chống đối của người phải thi hành án. Do đó, Luật THADS (sửa đổi) đã thay đổi cách tiếp cận. Đó là cơ quan công an sẽ không chỉ “bảo vệ cưỡng chế thi hành án”, mà còn “bảo vệ trật tự, an toàn xã hội trong toàn bộ quá trình tổ chức thi hành án” trong trường hợp có sự chống đối, cản trở việc thi hành án.

- Sửa đổi quy định trách nhiệm chính của trại giam, trại tạm giam theo hướng: *Trại giam, trại tạm giam nơi người phải thi hành án, người được thi hành án đang chấp hành hình phạt tù phối hợp trong việc thông báo về thi hành án, cung cấp thông tin, chuyển giao giấy tờ, tiền, tài sản, thu, trả tiền, tài sản liên quan đến phạm nhân là người phải thi hành án, người được thi hành án.*

Nội dung này, sẽ được quy định chi tiết hơn tại Nghị định của Chính phủ.

Thứ tư, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong THADS

- Quy định chung tại Điều 14 về Kho bạc Nhà nước, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, cơ quan bảo hiểm xã hội, cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm, cơ quan thuế, cơ quan Công an, cơ quan, tổ chức được giao theo dõi, quản lý người đang chấp hành án hình sự, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện kịp thời các quyết định về thi hành án, văn bản, yêu cầu, đề nghị của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên trong việc xác minh điều kiện thi hành án, áp dụng biện pháp bảo đảm, áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án và các thủ tục thi hành án khác theo quy định của pháp luật.

- Tại một số Điều luật cụ thể cũng đã quy định về trách nhiệm của các cơ quan này trong xác minh điều kiện thi hành án, thực hiện các quyết định áp dụng biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế của cơ quan THADS.

3.1.3. Đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian, giảm chi phí tổ chức thi hành án

Luật THADS (sửa đổi) tiếp tục kế thừa quy định về trình tự, thủ tục lớn, cơ bản của Luật THADS hiện hành, bao gồm các biện pháp bảo đảm, biện pháp cưỡng chế. Tuy nhiên, từng thời hạn, thủ tục trong quy trình tổ chức thi hành án đã được rà soát để “đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian, giảm thiểu chi phí” theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Các thủ tục về ra quyết định thi hành án, xác minh điều kiện thi hành án, thông báo về thi hành án; việc xử lý tài sản mà bản án, quyết định tuyên kê biên để bảo đảm thi hành án; quy định về thủ tục thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; xử lý đối với từng nội dung của quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm; áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án; căn cứ ra các quyết định về thi hành án...đã được rà soát, sửa đổi, bổ sung, đảm bảo thủ tục rõ ràng, minh bạch, dễ thực hiện, thuận lợi cho cả Chấp hành viên, cơ quan THADS cũng như cho việc đương sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo đó:

Rút ngắn thời gian xác minh điều kiện thi hành án; về xác định tài sản và xử lý tranh chấp tài sản của người phải thi hành án; bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân trong trường hợp đủ các điều kiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự thì phải giải quyết theo thủ tục rút gọn đối với yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự, đương sự; bổ sung quy định trường hợp Chấp hành viên yêu cầu Tòa án xác định, phân chia, giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu, sử dụng theo quy định mà Chấp hành viên không thể thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự thì có quyền yêu cầu Tòa án thu thập.

Bổ sung các quy định về xác minh điều kiện thi hành án, thông báo về thi hành án trên môi trường số, cho Chấp hành viên có quyền khai thác thông tin từ các cơ sở dữ liệu về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án khác của người phải thi hành án.

Các quy định về cưỡng chế thi hành án đã được rà soát để đưa các nội dung có cùng tính chất, phạm vi, đang được đặt rải rác ở các Điều khác nhau vào từng Điều luật, gắn với từng thủ tục cụ thể, đảm bảo rõ ràng, khoa học, dễ áp dụng. Theo đó, đối với các biện pháp cưỡng chế khác thì mỗi biện pháp cưỡng chế được thiết kế ở 1 Điều. Riêng biện pháp kê biên, xử lý tài sản là một biện pháp quan trọng, được áp dụng phổ biến với thủ tục chặt chẽ nên được quy định tại

hiều Điều (từ Điều 78 đến Điều 87), bao gồm: Quyết định kê biên; tài sản không được kê biên; thực hiện kê biên; xử lý tài sản sau khi kê biên; thẩm định giá, xác định giá tài sản kê biên; bán tài sản kê biên; tạm dừng, dừng việc tổ chức đấu giá, phiên đấu giá tài sản thi hành án; hủy kết quả đấu giá tài sản; giao tài sản để thi hành án; đăng ký, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản. Thủ tục áp dụng và chấm dứt áp dụng đối với từng biện pháp cưỡng chế cũng đã được rà soát để quy định rõ ràng, khả thi, bảo đảm bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật phải được nghiêm chỉnh chấp hành nhưng vẫn bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

3.1.4. Sửa đổi các quy định về quản lý kho vật chứng

Theo quy định của Luật THADS năm 2008 và Bộ luật Tố tụng hình sự hiện hành thì cơ quan THADS thực hiện nhiệm vụ quản lý kho vật chứng trong giai đoạn xét xử, thi hành án. Mặc dù quy định này có những ưu điểm nhất định nhưng việc tồn tại song song kho vật chứng của Công an nhân dân và cơ quan THADS sẽ dẫn đến bị phân tán địa điểm, gây khó khăn trong việc tiếp nhận, bảo quản, xử lý vật chứng; thiếu đồng bộ.

Quy định như hiện nay cũng sẽ dễ dẫn đến hư hỏng, thất lạc và phát sinh chi phí lớn để bảo quản, vận chuyển, thuê nhân lực cho ngân sách nhà nước; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị chưa thật hiệu quả; công tác bảo vệ của cơ quan THADS gặp nhiều khó khăn đối với một số vật chứng là tài sản đặc thù như: ma túy, chất dễ cháy nổ...

Do đó, Luật đã sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 90 của Bộ luật Tố tụng hình sự theo hướng:

“đ) Vật chứng đưa về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo quản thì cơ quan Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm bảo quản vật chứng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử.

Sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, vật chứng tiếp tục được bảo quản, lưu giữ tại nơi đang bảo quản; cơ quan thi hành án dân sự thực hiện các thủ tục kiểm kê, tiếp nhận, niêm phong vật chứng trong giai đoạn thi hành án và xử lý theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Trường hợp vật chứng đang được bảo quản tại kho thuê thì cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm thanh toán chi phí thuê kho kể từ thời điểm tiếp nhận đến khi tiêu hủy, trả lại tài

sản hoặc giao cho cơ quan tài chính cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã để sung quỹ nhà nước hoặc xử lý xong theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.”.

Với việc sửa đổi, bổ sung quy định này, việc quản lý, bảo quản vật chứng sẽ được thống nhất về một đầu mối, đảm bảo an toàn và tiết kiệm cho ngân sách nhà nước. Đồng thời, Luật cũng quy định về điều khoản chuyển tiếp đối với thay đổi liên quan đến trách nhiệm bảo quản vật chứng, cụ thể như sau: Vật chứng đã được cơ quan thi hành án dân sự tiếp nhận trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì cơ quan thi hành án dân sự tiếp tục bảo quản và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với vật chứng đã được cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố tiếp nhận và đang bảo quản tại các kho vật chứng không thuộc khuôn viên trụ sở cơ quan thi hành án dân sự thì Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính phối hợp thực hiện việc chuyển giao các kho vật chứng cùng vật chứng đang bảo quản tại kho về Bộ Công an để quản lý trước ngày 01 tháng 7 năm 2028.

3.1.5. Sửa đổi quy định về việc giải quyết việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành

Đây là một trong những giải pháp nhằm giảm án tồn, xử lý những vụ việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành kéo dài nhiều năm mà Nhà nước vẫn phải đảm bảo nhân lực, vật lực để theo dõi, xác minh định kỳ, gây lãng phí ngân sách.

Quy định gửi lại yêu cầu thi hành án vẫn bảo đảm thực hiện đầy đủ trách nhiệm của cơ quan THADS, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, đồng thời, tạo điều kiện cho người dân có quyền yêu cầu Văn phòng THADS tổ chức thi hành án; bất kỳ giai đoạn nào sau khi được gửi lại tài liệu yêu cầu thi hành án, nếu phát hiện người phải thi hành án có điều kiện thi hành thì người yêu cầu đều có quyền yêu cầu thi hành án trở lại, thời gian gửi lại yêu cầu thi hành án không bị tính vào thời hiệu yêu cầu thi hành án.

Ngoài ra, còn một số nội dung khác nhằm tiếp tục thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về đổi mới tổ chức và hoạt động THADS; khắc phục những hạn chế, bất cập từ thực tiễn, đảm bảo bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền được thực thi hiệu quả; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và Nhà nước.

3.1.6. Hoàn thiện các quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo và kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân trong THADS

a) Về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong THADS:

Nhằm phù hợp với mô hình hệ thống THADS sau sắp xếp và xã hội hóa hoạt động THADS, Luật đã sửa đổi quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo như sau:

- Về khiếu nại: Thủ trưởng cơ quan THADS giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định, hành vi của mình và của Phó Thủ trưởng, Chấp hành viên thuộc quyền quản lý; Trưởng Văn phòng THADS giải quyết khiếu nại lần đầu đối với quyết định, hành vi của mình và của Thừa hành viên thuộc Văn phòng; Thủ trưởng cơ quan quản lý THADS giải quyết lần hai đối với quyết định giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan THADS và quyết định giải quyết khiếu nại của Trưởng Văn phòng THADS. Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có quyền xem xét lại quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực thi hành của Thủ trưởng cơ quan quản lý THADS.

- Về tố cáo:

- + Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong thi hành án dân sự mà người bị tố cáo thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan nào thì người đứng đầu cơ quan đó có trách nhiệm giải quyết.

- + Trường hợp người bị tố cáo là Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố thì Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp có trách nhiệm giải quyết. Trường hợp người bị tố cáo là Trưởng văn phòng thi hành án dân sự hoặc Thừa hành viên thì Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp có trách nhiệm giải quyết. Trường hợp người bị tố cáo là Thủ trưởng cơ quan thi hành án cấp quân khu thì Thủ trưởng cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm giải quyết.

b) Về kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân trong THADS

- Xác định rõ thẩm quyền kiểm sát, kháng nghị, kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân các cấp đối với hoạt động tổ chức thi hành án của cơ quan THADS, Chấp hành viên, văn phòng THADS, Thừa hành viên.

- Quy định rõ thời hạn kháng nghị đối với các vụ việc thi hành án đã kết thúc, cụ thể: *Trường hợp việc thi hành án đã kết thúc thì thời hạn kháng nghị là 01 năm kể từ ngày Viện kiểm sát có thẩm quyền nhận được thông báo về kết thúc việc thi hành án.*

- Sửa đổi quy định về trình tự, thủ tục trả lời kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân để phù hợp với mô hình tổ chức cơ quan THADS một cấp tại địa phương và các quy định liên quan đến xã hội hóa hoạt động THADS tại Luật.

3.2. Những nội dung bổ sung

3.2.1. Bổ sung các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số mạnh mẽ trong hoạt động thi hành án dân sự

Thể chế hóa Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Luật THADS (sửa đổi) đã bổ sung nhiều quy định ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động THADS (như: Điều 5 ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động THADS, Điều 9 về điều kiện bảo đảm cho công tác THADS, Điều 35 về thông báo qua phương tiện điện tử, Điều 37 về ứng dụng công nghệ thông tin trong xác minh, Điều 54 về thanh toán qua chuyển khoản...); trong đó nổi bật là Luật đã dành riêng một điều riêng để quy định về Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong THADS. Theo đó:

- Bổ sung quy định cơ sở dữ liệu về thi hành án dân sự được kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia và ngược lại.

- Bổ sung quy định các thủ tục về thi hành án dân sự theo quy định của Luật này được thực hiện trực tiếp hoặc trên môi trường số được công nhận theo quy định của pháp luật. Văn bản, hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến thi hành án dân sự được lập dưới dạng thông điệp dữ liệu, ký số, gửi, nhận, lưu trữ, xử lý, chia sẻ trên môi trường số bảo đảm theo quy định của pháp luật có giá trị pháp lý như văn bản, hồ sơ, tài liệu, thông tin dưới dạng giấy, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Bổ sung quy định văn bản, hồ sơ, tài liệu trong Luật bao gồm văn bản, hồ sơ, tài liệu giấy và văn bản, hồ sơ, tài liệu điện tử

- Quy định về thông báo thi hành án trên môi trường số; xác minh điều kiện thi hành án thông qua kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; việc chuyển giao bản án, quyết định, gửi hồ sơ thi hành án theo yêu cầu có thể thực hiện trên môi trường số; bổ sung phương thức thanh toán tiền thi hành án qua chuyển khoản hoặc phương tiện thanh toán khác...

- Để tạo cơ sở pháp lý triển khai thực hiện các nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động THADS, Luật quy định một số điều khoản có hiệu lực sớm (ngày 20 tháng 01 năm 2026), bao gồm quy định liên quan đến chuyển đổi số, giá trị pháp lý của các thủ tục trên môi trường số, trách nhiệm kết nối, chia sẻ của các cơ quan trong THADS..., như: khoản 9 và

khoản 11 Điều 3; Điều 5; điểm g khoản 2 Điều 11; điểm đ khoản 2 Điều 12; khoản 8 và khoản 9 Điều 20; khoản 7 và khoản 8 Điều 21 và khoản 8 Điều 27.

3.2.2. Bổ sung các quy định về Văn phòng THADS, Thừa hành viên

Những quy định về Văn phòng THADS và Thừa hành viên là nội dung quan trọng, thể hiện sự đổi mới mạnh mẽ công tác THADS theo chủ trương xã hội hóa một số hoạt động THADS tại Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương. Chính phủ đã phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các cơ quan, tổ chức có liên quan nghiên cứu kỹ các yêu cầu, lộ trình, cơ chế bảo đảm việc xã hội hóa một số hoạt động THADS; tiến hành sơ kết 05 năm thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020²; xác định rõ những khó khăn, vướng mắc về hoạt động THADS của Thừa phát lại. Trên cơ sở đó, Luật đã dành mục 2 Chương II quy định về Thừa hành viên và Văn phòng THADS với những nội dung chính như sau:

- Đổi tên Thừa phát lại thành Thừa hành viên và đổi tên Văn phòng Thừa phát lại thành Văn phòng THADS để bảo đảm tính phổ thông, dễ hiểu hơn, phù hợp với phạm vi, tính chất hoạt động THADS của tổ chức này. Văn phòng THADS và Thừa hành viên vẫn được thực hiện các hoạt động khác như quy định hiện hành về Thừa phát lại³. Luật cũng quy định điều khoản chuyển tiếp đối với tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại, bảo đảm việc đổi tên không ảnh hưởng đến hoạt động của các văn phòng Thừa phát lại, không phát sinh chi phí liên quan.

- Văn phòng THADS tổ chức thi hành án theo yêu cầu của đương sự; không có thẩm quyền tổ chức thi hành các vụ việc thi hành án chủ động, thu hồi tiền, tài sản cho Nhà nước mà các nhiệm vụ này vẫn do cơ quan THADS thực hiện.

- Về nhiệm vụ, quyền hạn: Thừa phát lại tiếp tục được thực hiện 04 thủ tục về thi hành án theo Nghị định số 08/2020/NĐ-CP; mở rộng thẩm quyền của Thừa phát lại về 04 thủ tục khác. Đồng thời, Thừa phát lại được đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ; tạm ngừng giao dịch, tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản.

3.3. Những nội dung được lược bỏ

² Trên cơ sở các Nghị quyết của Quốc hội: Nghị quyết số 24/2008/QH12 ngày 14/11/2008 cho phép thí điểm chế định Thừa phát lại tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 36/2012/QH13 ngày 23/11/2012 về tiếp tục mở rộng thí điểm tại một số tỉnh, thành phố; Nghị quyết số 107/2015/QH13 ngày 26/11/2015 cho thực hiện chính thức chế định Thừa phát lại trong phạm vi cả nước.

³ Các hoạt động: lập vi bằng, tổng đạt giấy tờ...

Thực hiện yêu cầu đổi mới tư duy trong công tác xây dựng pháp luật, bám sát tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị, căn cứ quy định về thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Luật đã lược bỏ 30 điều và 18 khoản của Luật hiện hành để quy định tại Nghị định, cụ thể như sau:

(1) Nhóm quy định về tổ chức, bộ máy THADS tại Chương II Luật hiện hành: Lược bỏ 03 điều về nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan THADS cấp huyện (Điều 16); tiêu chuẩn bổ nhiệm Chấp hành viên (Điều 18), miễn nhiệm Chấp hành viên (Điều 19).

(2) Nhóm quy định về thủ tục thi hành án tại Chương III, Chương IV, Chương V Luật hiện hành: Lược bỏ 12 điều và 18 khoản về thành phần hồ sơ, nội dung các quyết định, văn bản; thủ tục hành chính; các vấn đề thực tiễn sẽ biến động thuộc thẩm quyền quy định của Chính phủ hoặc đã được quy định tại các Luật khác, bao gồm:

- Hướng dẫn quyền yêu cầu thi hành án (Điều 26); cấp bản án, quyết định (Điều 27); thủ tục giao, nhận bản án (khoản 2, 3 Điều 28; Điều 29) do đã được quy định tại Điều 483, 484, 485 Bộ luật Tố tụng dân sự và một số thủ tục đã giao Chính phủ quy định.

- Nội dung hướng dẫn chi tiết về thời gian không tính vào thời hiệu yêu cầu thi hành án (khoản 2 Điều 30); nội dung đơn, thủ tục tiếp nhận yêu cầu thi hành án (khoản 1, 2, 3 Điều 31); thủ tục thông báo về thi hành án (Điều 40, 41, 42, 43); trách nhiệm cụ thể của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong xác minh điều kiện thi hành án (điểm a, b khoản 6 Điều 44); kết thúc việc thi hành án và xác nhận kết quả thi hành án (Điều 52, Điều 53⁴); thủ tục ủy thác xử lý tài sản (Điều 56; khoản 2, khoản 3 Điều 57); thủ tục giao bảo quản tài sản (khoản 3, 4, 5 Điều 58).

(3) Nhóm quy định về khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm tại Chương VI, VII Luật hiện hành: Lược bỏ 01 điều quy định về hồ sơ giải quyết khiếu nại (Điều 149); 04 điều quy định về xử lý vi phạm hành chính (từ Điều 162 đến Điều 165).

(4) Nhóm quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, Ủy ban nhân dân; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức liên quan trong hoạt động THADS tại Chương VIII Luật hiện hành: Lược bỏ 10 điều có nội dung thuộc thẩm quyền của Chính phủ để quy định tại Nghị định, bao gồm: Điều 167. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tư pháp; Điều 168. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Quốc phòng; Điều 169. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công an; Điều 172. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tư lệnh

⁴ Lược bỏ Điều 52 và chuyển thủ tục yêu cầu xác nhận kết quả thi hành án lên Điều 5, 6 Quyền, nghĩa vụ của đương sự.

quân khu và tương đương; Điều 173. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Điều 174. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Điều 175. Nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp xã; Điều 176. Trách nhiệm của Kho bạc Nhà nước, ngân hàng và tổ chức tín dụng khác; Điều 177. Trách nhiệm của Bảo hiểm xã hội trong THADS; Điều 178. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký tài sản, đăng ký giao dịch bảo đảm trong THADS.

3.4. Về nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính:

Do Luật không quy định cơ quan THADS cấp huyện nên đã bỏ 06 thủ tục hành chính do cơ quan THADS cấp huyện thực hiện⁵. Bên cạnh đó, qua rà soát danh mục thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động THADS đã được công bố, có một số thủ tục là trình tự, thủ tục THADS, không phải là thủ tục hành chính. Do vậy, Luật đã lược bỏ 04 thủ tục hành chính đang do cơ quan THADS tỉnh, thành phố thực hiện, gồm: (1) Đề nghị nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án; (2) Yêu cầu thay đổi Chấp hành viên; (3) Đề nghị miễn, giảm phí thi hành án; (4) Đề nghị miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án. Chính phủ sẽ giao Bộ Tư pháp tiếp tục rà soát, nghiên cứu cắt giảm và công bố các thủ tục hành chính trong lĩnh vực THADS theo quy định.

Ngoài ra, còn một số nội dung sửa đổi, bổ sung khác nhằm tiếp tục thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về đổi mới tổ chức và hoạt động THADS; khắc phục những hạn chế, bất cập từ thực tiễn, đảm bảo bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan có thẩm quyền được thực thi hiệu quả; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và Nhà nước.

⁵ Quyết định số 2330/QĐ-BTP ngày 10/7/2025 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực THADS thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.